

Số 1509/ĐHYD-TCCSVC  
V/v: YCCG Cung cấp dụng cụ  
thực hành đợt 1 phục vụ đào tạo năm học  
2026 – 2027 cho trường Đại học Y Dược, ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2026

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa y tế**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính Phủ;

Căn cứ kế hoạch đào tạo của nhà trường năm học 2026 – 2027;

Trường Đại học Y – Dược có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá hàng hóa y tế và làm cơ sở lập kế hoạch, tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm hàng hóa, hóa chất phục vụ đào tạo giảng dạy cho người học.

**I. Thông tin đơn vị yêu cầu chào giá**

**1. Đơn vị yêu cầu: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên**

**2. Thông tin bên tiếp nhận yêu cầu chào giá:**

- Phòng Tài chính Cơ sở vật chất thuộc trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Mail bộ phận cơ sở vật chất: [tump.edu.vn2@gmail.com](mailto:tump.edu.vn2@gmail.com)

- Đại diện phòng: PGS. TS Trần Văn Tuấn

- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng/Trưởng phòng Tài chính – Cơ sở vật chất

+ Người tiếp nhận báo giá/chào giá:

Ông Lại Văn Tiến; SĐT: 0868 852 888; Chức vụ: Chuyên viên

**3. Cách thức tiếp nhận chào giá:**

Nhận chào giá trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 5, phòng Tài chính – Cơ sở vật chất, Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Tòa nhà A1, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, hoặc bản điện tử gửi Mail phòng Tài chính – Cơ sở vật chất (Bộ phận Cơ sở vật chất), nộp trực tiếp trên trang mua sắm công <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.



**2. Nội dung yêu cầu báo giá:** (Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)

**3. Thời điểm tiếp nhận báo giá:** trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá thành công trên mạng đấu thầu quốc gia và Website của nhà trường.

**4. Thời gian hiệu lực báo giá:** Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá

**5. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Nội dung yêu cầu báo giá: Ghi rõ tên đơn vị chào giá, có con dấu và có nội dung cam kết về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh. Bảng chào giá ghi chi tiết theo sản phẩm, quy cách, xuất xứ, catalog (nếu có) tương ứng để nhà trường có sở lựa chọn phương án phù hợp; Giá hàng hóa đã bao gồm thuế phí và các chi phí để thực hiện việc cung cấp hàng hóa cho nhà trường.

- Nhà cung cấp có thể báo giá cho toàn bộ hoặc các phần, một phần hàng hóa nằm trong phạm vi, khả năng cung cấp hàng hóa của đơn vị mình.

*(Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)*

- Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng

- Địa điểm cung cấp: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

**Cám ơn sự quan tâm của Quý công ty!**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCSVC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS Trần Văn Tuấn**

## DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn số 1509/ĐHYD-TCCSVC ngày 22/9/2026)

| STT | Tên VT, HC, DC                    | Đvt pm | SL mua | Mã vật tư | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|--------|--------|-----------|---------|
| 1   | Bát sứ phi 12cm (250ml)           | cái    | 9      | 3539      |         |
| 2   | Bình cho chuột cống uống nước     | Cái    | 10     |           |         |
| 3   | Bình cho chuột nhắt uống nước     | Cái    | 10     |           |         |
| 4   | Bóng chuyên động lực              | Quả    | 20     | 1191      |         |
| 5   | Bóng chuyên hơi                   | Quả    | 20     |           |         |
| 6   | Bóng rổ PVC động lực              | Quả    | 20     | 1977      |         |
| 7   | Bộ cột Bóng rổ di động            | Bộ     | 1      |           |         |
| 8   | Bơm bóng                          | Cái    | 1      | 1979      |         |
| 9   | Cân kỹ thuật (0,01-200g)          | Cái    | 2      | 0389      |         |
| 10  | Cân kỹ thuật 500g hiện số điện tử | cái    | 2      | c85       |         |
| 11  | Cân sức khỏe tanitan - Nhật       | cái    | 1      | 2518      |         |
| 12  | Cân tiểu ly điện tử 0.1g - 3kg    | Cái    | 1      |           |         |
| 13  | Cối chày sứ phi 10cm              | cái    | 2      | 888       |         |
| 14  | Cột bóng chuyên                   | Bộ     | 2      | 1976      |         |
| 15  | Cột nhảy cao                      | Bộ     | 2      | 1369      |         |
| 16  | Chai nhựa có vòi 100ml            | Cái    | 47     | 5441      |         |
| 17  | Chai nhựa có vòi 250ml            | Cái    | 50     | 5442      |         |
| 18  | Chai nhựa trong 150ml             | cái    | 10     | 5443      |         |
| 19  | Chai nhựa trong 250ml             | cái    | 10     | 5444      |         |
| 20  | Chén cân có nắp 20*25mm           | Cái    | 15     | 2263 NL   |         |
| 21  | Chổi lông bé                      | cái    | 196    | 229       |         |
| 22  | Chổi lông nhờ                     | cái    | 57     | 1927      |         |
| 23  | Chổi lông to                      | cái    | 65     | 230       |         |
| 24  | Dây cao su phi 8                  | Mét    | 10     | 1959      |         |
| 25  | Dụng cụ trắc vi thị kính          | Bộ     | 2      |           |         |
| 26  | Dụng cụ trắc vi vật kính          | Bộ     | 2      |           |         |
| 27  | đầu côn vàng                      | cái    | 3361   | 2522      |         |
| 28  | Đầu côn xanh                      | cái    | 3500   | 2521      |         |

| STT | Tên VT, HC, DC                       | Đvt pm | SL mua | Mã vật tư | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--------|--------|-----------|---------|
| 29  | Đầu tip 1 mL                         | Hộp    | 1      |           |         |
| 30  | Đầu tip 10 µL                        | Hộp    | 1      |           |         |
| 31  | Đầu tip 200 µL                       | Hộp    | 1      |           |         |
| 32  | Đĩa hộp lồng nhựa vô trùng (phi 9)   | Cái    | 920    | 3972      |         |
| 33  | Đồng hồ bấm giây                     | Cái    | 16     | 184       |         |
| 34  | Đũa tre dài 60cm                     | đôi    | 15     | d07       |         |
| 35  | Gậy thể dục PVC                      | Cái    | 40     |           |         |
| 36  | Gối bông nhỏ                         | Cái    | 2      | 2440      |         |
| 37  | Giá ống hút                          | cái    | 6      | 254       |         |
| 38  | Giá ống nghiệm phi 16 Nhựa           | cái    | 5      | 258       |         |
| 39  | Hộp giữ chuột để tiêm                | cái    | 2      |           |         |
| 40  | hộp giữ thỏ để tiêm thuốc            | cái    | 2      |           |         |
| 41  | Hộp nhựa có nắp 2 lít                | cái    | 3      | h111      |         |
| 42  | Hộp nhựa có nắp D50*R30*C40          | cái    | 6      | 3994      |         |
| 43  | Kéo cắt cành dài 3m                  | Cái    | 2      | 4573      |         |
| 44  | Kẹp gỗ                               | cái    | 20     |           |         |
| 45  | Kẹp vòng tròn (đường kính 9cm)       | Cái    | 6      |           |         |
| 46  | Kim cong đầu tù cho chuột cống uống  | Cái    | 2      |           |         |
| 47  | Kim cong đầu tù cho chuột uống thuốc | Cái    | 7      | 5455      |         |
| 48  | Khay nhựa nhiều lỗ( thử lot)         | cái    | 5      |           |         |
| 49  | Khoá đôi thí nghiệm (con bộ)         | cái    | 12     |           |         |
| 50  | Khuôn thuốc đạn inox (2.5g)          | Cái    | 8      |           |         |
| 51  | Khuôn thuốc trứng inox (3.0g)        | Cái    | 8      |           |         |
| 52  | Lồng nhốt chuột                      | Cái    | 2      |           |         |
| 53  | lồng nhốt thỏ                        | cái    | 2      |           |         |
| 54  | Lưới bóng chuyển có cáp              | Bộ     | 5      | l256      |         |
| 55  | Lưới bóng chuyển hơi có cáp          | Bộ     | 2      |           |         |
| 56  | Lưới cầu lông                        | Cái    | 3      | 4563      |         |
| 57  | Mẹt tre                              | cái    | 2      | s202      |         |
| 58  | Mô hình chữ thập nâng cao            | Cái    | 1      |           |         |

| STT | Tên VT, HC, DC                                             | Đvt pm         | SL mua | Mã vật tư | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------|----------------|--------|-----------|---------|
| 59  | Mô hình thực tập khâu vết thương bằng silicon              | Cái            | 25     |           |         |
| 60  | Múm cao su có lỗ 5cm                                       | cái            | 4      |           |         |
| 61  | Muôi inox có lỗ                                            | Cái            | 2      |           |         |
| 62  | Nilon dày                                                  | Mét            | 24     | n154      |         |
| 63  | Nồi nhôm 9 lít                                             | cái            | 1      | n273      |         |
| 64  | Nồi nhôm Hải Phòng phi 34                                  | cái            | 1      | 3406      |         |
| 65  | Ống hút nhựa 3 ml                                          | cái            | 285    | 4611      |         |
| 66  | Ống mao quản chấm sắc ký 2 $\mu$ L                         | Hộp<br>100 ống | 1      |           |         |
| 67  | Quả cầu lông                                               | Hộp            | 200    |           |         |
| 68  | Rây bột 180 (0,180mm) (đường kính 20cm)                    | Cái            | 2      | 5462      |         |
| 69  | Rây bột 250 (0,250mm) (đường kính 20cm)                    | Cái            | 2      | 5463      |         |
| 70  | Rây xát hạt (gia công 30*40) 1mm                           | Cái            | 2      | 4104      |         |
| 71  | Rây xát hạt gia công (30*40) 0,8mm                         | Cái            | 2      | 4103      |         |
| 72  | Rổ nhựa con                                                | Cái            | 3      | r165      |         |
| 73  | Rổ nhựa con ( lỗ nhỏ để rửa đầu côn trắng) đường kính 30cm | cái            | 2      |           |         |
| 74  | Rổ nhựa chữ nhật( đựng ống nghiệm thủy tinh)               | cái            | 2      |           |         |
| 75  | Rổ nhựa nhỏ                                                | Cái            | 3      | dt9       |         |
| 76  | Rổ nhựa to                                                 | cái            | 8      | r166      |         |
| 77  | Thìa inox 15ml                                             | cái            | 5      |           |         |
| 78  | Thìa xúc hóa chất                                          | Cái            | 5      | 2156      |         |
| 79  | Thìa xúc hoá chất TT                                       | cái            | 20     | 179       |         |
| 80  | Thớt nhựa                                                  | cái            | 2      | 4014      |         |
| 81  | Thước đo nhảy cao                                          | Cái            | 1      | 1377      |         |
| 82  | Thước kẹp                                                  | Cái            | 1      | 3448      |         |
| 83  | Trục cấm phanh Inox                                        | cái            | 1      | 1195      |         |
| 84  | Trục quay rote-rod kiểm tra sự chịu đựng của chuột         | Chiếc          | 1      |           |         |
| 85  | Vỏ chiết son bóng 8ml                                      | Cái            | 50     |           |         |
| 86  | Vỏ son dưỡng 5g                                            | Cái            | 50     |           |         |
| 87  | Vỏ son sáp khuôn 12.1                                      | Cái            | 50     |           |         |

